

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **76/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: **04/5/2020.**

V/v tranh chấp: **xin ly hôn.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Phước**

2. Ông **Trần Văn Nghiệm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Ngọc Ngân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên Tòa: ông **Nguyễn Văn Quý** - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 401/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/04/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/04/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **TRẦN THỊ T** – sinh năm 1994;

Địa chỉ: tổ dân phố *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: **NGUYỄN THÀNH Đ** – sinh năm 1984;

Địa chỉ: tổ * ấp B, xã B, huyện G, Tiền Giang.

(Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: chị và anh Nguyễn Thành Đ cưới nhau vào năm 2012, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi cưới chị và anh Đ sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đ không lo làm ăn thường xuyên uống rượu. Đời sống chung kéo dài đến đầu năm 2017 thì chính thức ly thân cho đến nay. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: không có.
- Về tài sản chung: không có.
- Về nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Thành Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh Đ không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Trần Thị T xin vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Thành Đ vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T; về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

[1] Xét nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T.

[2] Xét bị đơn anh Nguyễn Thành Đ đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Đ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T là có cơ sở. Vì chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thành Đ cưới nhau vào năm 2012, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B số 130 ngày 29/12/2012. Chị T và anh Đ sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đ không lo làm ăn thường xuyên uống rượu. Đời sống chung kéo dài đến đầu năm 2017 thì chị T và anh Đ sống ly thân cho đến nay, mà giữa chị T, anh Đ vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: không có

[5] Về tài sản chung: không có.

[6] Về nợ chung: không có

[7] Về án phí: do chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 175, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T.

Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ.

- Về án phí: chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0016214 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy chị T đã nộp xong án phí.

Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Bình Nhì
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh